

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 48/2022/HSST
Ngày 26/7/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Văn Thảo

2. Ông Nguyễn Công Phúc.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký TAND huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thành – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HS ngày 14/7/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh năm: 1984, tại: Thăng Bình, Quảng Nam;

Trú tại: thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ;

Nghề nghiệp: Công nhân may; Trình độ học vấn: 11/12;

Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1953; Con bà: Huỳnh Thị N, sinh năm: 1956; Chồng: Nguyễn Duy T, sinh năm: 1985, bị cáo có 04 con. Con lớn nhất tên sinh năm: 2006, con nhỏ nhất sinh năm: 2020;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 28/9/2021, bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Nhân thân: Ngày 17/5/2022, bị TAND huyện T xử phạt 27 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1989

Trú tại: Thôn Duy H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Duy T, sinh năm: 1985

Trú tại: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

(Bà V, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 30' ngày 20/4/2022, Nguyễn Thị H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 92H1- 738.77 (xe này của ông Nguyễn Duy T, sinh năm: 1985 - là chồng của H) đến Cây xăng dầu số 9, thuộc: Khu phố 4, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam để đổ xăng. Trong khi đổ xăng, H nhìn thấy một điện thoại di động hiệu Redmi (có ốp lưng bằng nhựa) ở bên trong hộc trước của xe mô tô BKS 92H1-683.20 của bà Nguyễn Thị V đang dựng bên cạnh nhưng không có người coi ngó xe nên Hạnh lấy chiếc điện thoại này và giấu trong người rồi H điều khiển xe 92H1- 738.77 đi về. Về đến nhà, H tháo sim ra khỏi điện thoại, sạc pin và xóa hết dữ liệu trong điện thoại. Cùng ngày, bà Nguyễn Thị V phát hiện bị mất điện thoại nên đến Cây xăng dầu số 9 xem lại camera thì thấy có người đã lấy điện thoại của mình nên làm đơn trình báo Công an thị trấn H. Tại Công an thị trấn H, Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, giao nộp lại điện thoại và sim đã trộm cắp cho Công an thị trấn H tạm giữ.

Tại bản cáo trạng số: 46/CT-VKSTB-HS ngày 07/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên Tòa bị cáo Nguyễn Thị H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Do muốn có tiền để tiêu xài, khi thấy chị Vang để điện thoại sơ hở nên bị cáo trộm cắp. Ngoài ra, vào ngày 28/9/2021, bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 17/5/2022, bị TAND huyện T xử phạt 27 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Chiếc xe mà bị cáo sử dụng là của vợ chồng bị cáo mua, khi bị cáo sử dụng xe chồng bị cáo không biết.

Lời khai của bị hại Nguyễn Thị V có trong hồ sơ: Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 20/4/2022, chị Vang có đến đổ xăng tại cây xăng số 9, thị trấn H. Lúc đó chị V có để chiếc điện thoại tại hộc xe phía trước bên trái thì bị mất. Sau đó chị V có nhờ trích xuất camera và báo cáo Công an giải quyết. Hiện nay chị V đã nhận lại điện thoại và không yêu cầu gì về tài sản.

Lời khai của ông Nguyễn Duy T có trong hồ sơ: Chiếc xe mô tô 92H1 – 738.77 là tài sản của ông T. Khi bị cáo H lấy xe sử dụng ông T không biết đi trộm cắp. Ông T khai để xe ở nhà cho vợ đi chợ, nấu ăn cho các con. Ông T xin được nhận lại chiếc xe mô tô.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội gây thiệt hại không lớn; trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã tự nguyện giao nộp tài sản trộm cắp. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo: Nguyễn Thị H phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản

1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 06 đến 12 tháng tù.

* Những vấn đề liên quan trong vụ án:

- Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại 01 xe mô tô BKS 92H1-738.77 và 01 giấy đăng kí xe mô tô BKS 92H1-738.77 cho ông Nguyễn Duy T.

- Tiếp tục lưu trữ theo hồ sơ vụ án 01(một) đĩa CD-R màu vàng - trắng trích xuất camera hình ảnh Nguyễn Thị H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại Cây xăng dầu số 9.

- Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Các căn cứ xem xét, đánh giá về tội danh và khung hình phạt:

- Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

- Căn cứ vào lời khai của bị hại và các cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 09/5/2022 của Hội đồng định giá huyện T kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi mua tháng 8/2021 trị giá 1.000.000 đồng; 01 (một) ốp lưng điện thoại bằng nhựa mua năm 2022 trị giá 10.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 1.010.000 đồng (Một triệu không trăm mười nghìn đồng).

- Căn cứ vào bản án số: 46/2021/HS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử phạt bị cáo 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Hội đồng xét xử xác định: Ngày 28/9/2021, Nguyễn Thị H bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 20/4/2022, tại Cây xăng dầu số 9 thuộc Khu phố 4, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam, Nguyễn Thị H đã trộm cắp một điện thoại di động hiệu Redmi được bọc ốp lưng điện thoại của bà Nguyễn Thị V. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 1.010.000 đồng (Một triệu không trăm mười nghìn đồng).

Như vậy, hành vi, hậu quả của bị cáo Nguyễn Thị H gây ra đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm

b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Thị H.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo hộ. Bị cáo H tại thời điểm phạm tội là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm và sẽ bị trừng trị, nhưng muốn dễ dàng có tiền để phục vụ cho nhu cầu bản thân bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, trộm cắp của chị Vang 01 điện thoại di động trị giá 1.010.000 đồng. Hành vi của bị cáo gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, không an tâm với tài sản của mình, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo.

- Xét nhân thân của bị cáo Nguyễn Thị H xuất thân là nhân dân lao động. Hoàn cảnh gia đình có khó khăn nhất định. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là phụ nữ nuôi các con còn nhỏ. Bị cáo phạm tội nhưng hậu quả gây ra không lớn. Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, về nhân thân ngày 17/5/2022, bị TAND huyện T xử phạt 27 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” và đã tổng hợp hình phạt đối với bị cáo là 36 tháng tù, tại bản án số: 28/2022/HS-ST nên xem xét bị cáo có nhân thân không tốt. Đồng thời áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của các bản án đối với bị cáo.

Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nên Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát, cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để Cơ quan chức năng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội sau này.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về vật chứng trong vụ án: Chiếc xe mô tô BKS 92H1-738.77 bị cáo khai nhận là tài sản chung của vợ chồng bị cáo và có trong thời kỳ hôn nhân. Chiếc xe này bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử không thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là trả lại cho ông Nguyễn Duy T mà cần thiết phải tuyên thu 1/2 giá trị của chiếc xe để sung công quỹ Nhà Nước. Trả lại cho ông Nguyễn Duy T 1/2 giá trị chiếc xe.

Tiếp tục tạm giữ chiếc xe mô tô mang BKS 92H1-738.77, nhãn hiệu Honda WEVE RSX, màu đen, số khung 3848KY012153; số máy JA52B0027437 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 053081 mang tên chủ sở hữu Nguyễn Duy T để đảm bảo công tác thi hành án.

Xe mô tô trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; Giấy đăng ký xe mô tô đang được lưu giữ tại Tòa án nhân dân huyện T. Tòa án

nhân dân huyện T có trách nhiệm bàn giao Giấy đăng ký xe mô tô số 053081 mang tên Nguyễn Duy T cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện T xử lý theo thẩm quyền khi bản án đã có hiệu lực pháp luật.

- Tiếp tục lưu trữ theo hồ sơ vụ án 01(một) đĩa CD-R màu vàng - trắng trích xuất camera hình ảnh Nguyễn Thị H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại Cây xăng dầu số 9.

[6] Biện pháp ngăn chặn: Tiếp tục áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Nguyễn Thị H trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án 26/7/2022.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

[8] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo: **Nguyễn Thị H** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Thị H 06** (Sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 28/2022/HS-ST ngày 17/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam đã xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H **36** (Ba mươi sáu) tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù chung cho cả hai bản án là **42** (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời gian thụ hình được tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng các Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên tịch thu 1/2 giá trị của chiếc xe mô tô mang BKS 92H1-738.77 để sung công quỹ Nhà Nước. Trả lại cho ông Nguyễn Duy T 1/2 giá trị chiếc xe. Tiếp tục tạm giữ chiếc xe mô tô mang BKS 92H1-738.77, nhãn hiệu Hon da WEVE RSX, màu đen, số khung 3848KY012153; số máy JA52B0027437 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 053081 mang tên chủ sở hữu Nguyễn Duy T để đảm bảo thi hành án.

Xe mô tô mang BKS 92H1-738.77 đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; Giấy đăng ký xe mô tô số 053081 đang được lưu giữ tại Tòa án nhân dân huyện T. Tòa án nhân dân huyện T có trách nhiệm bàn giao Giấy đăng ký xe mô tô số 053081 mang tên Nguyễn Duy T cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện T xử lý theo thẩm quyền khi bản án đã có hiệu lực pháp luật.

- Tiếp tục lưu trữ theo hồ sơ vụ án 01(một) đĩa CD-R màu vàng - trắng trích xuất camera hình ảnh Nguyễn Thị H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại Cây xăng dầu số 9.

* Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 123; Điều 326; Điều 327 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tiếp tục áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Nguyễn Thị H trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án 26/7/2022.

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS;.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên, đóng dấu)
Đặng Phùng Thành